

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **36** /2013/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **09** tháng **9** năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 854 <i>10/9</i>
	Ngày: Quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà năm học 2013-2014 trên địa bàn tỉnh
	Chuyên: lập đối với chương trình đại trà năm học 2013-2014 trên địa bàn tỉnh

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà năm học 2013-2014 trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11, Luật số 44/2009/QH12 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Liên Bộ Giáo dục Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của HĐND tỉnh về các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Công văn số 1729/GD&ĐT-KHTC ngày 04 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà cho năm học 2013-2014 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

Đvt: 1000đ/hs/tháng

TT	Cấp học Khu vực	Mầm non		Trung học cơ sở (THCS)	Trung học cơ sở có học nghề (THCS)	Trung học phổ thông (THPT)
		Bán trú	Không bán trú			
1	Thành thị					
a)	Các phường thuộc Thành phố (trừ 3 phường mới chuyển từ xã lên phường: Thủy Biều, Hương Long, Thủy Xuân)	120	80	50	65	60
b)	Các phường thuộc thị xã Hương Thủy và 3 phường thành phố Huế: Thủy Biều, Hương Long, Thủy Xuân	80	60	40	52	50
2	Nông thôn					
a)	Thị trấn và các phường mới thuộc thị xã Hương Trà	60	45	30	42	40
b)	Các xã	40	30	20	30	30
3	Miền núi					
a)	Thị trấn	20	15	10	20	15
b)	Các xã	10	8	5	10	10

Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức thu tương ứng của từng cấp, bậc học và từng khu vực như giáo dục phổ thông.

Danh sách các xã, phường, thị trấn phân theo khu vực quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quy định về miễn, giảm học phí :

Các cơ sở giáo dục thực hiện miễn, giảm học phí và cấp bù miễn giảm học phí theo Thông tư Liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Liên Bộ Giáo dục Đào tạo- Bộ Tài chính- Bộ Lao động thương binh xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014 – 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015.

Điều 3. Quy định về quản lý và sử dụng học phí

1. Tổ chức thu:

Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu cha mẹ học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, dạy nghề phổ thông THCS học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm.

Giao Sở Giáo dục Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể công tác tổ chức thu học phí đối với trường hợp trung học cơ sở có học nghề đảm bảo phù hợp quy định.

2. Quản lý và sử dụng học phí: Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu học phí và nộp toàn bộ số học phí thu được vào Kho bạc Nhà nước, sử dụng biên lai thu học phí theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp và tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 08 năm 2012 mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2012-2013.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ GD&ĐT;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp)
- TVTU
- TTHĐND, các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- HĐND các huyện, TX, Tphố;
- VP TU, VPHĐND&ĐBQH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, báo TT Huế;
- Lưu: VT, TC (02), GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hòa

Phân loại: Danh sách các xã, phường, thị trấn phân theo khu vực
 (Kèm theo Quyết định số **36** /2013/QĐ-UBND ngày **09** tháng **9** năm 2013
 của UBND tỉnh)

STT	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn	Khu vực miền núi
I	24 phường thuộc Thành phố Huế (trừ 3 phường mới chuyển từ xã lên phường)	06 thị trấn 07 phường	02 thị trấn
1	Phường Phú Thuận	Thị trấn Phong Điền	Thị trấn Nam Đông Thị trấn A Lưới
2	Phường Phú Bình	Thị trấn Sịa	
3	Phường Tây Lộc	Thị trấn Thuận An	
4	Phường Thuận Lộc	Thị trấn Phú Lộc	
5	Phường Phú Hiệp	Thị trấn Lăng Cô	
6	Phường Phú Hậu	Thị trấn Phú Đa	
7	Phường Thuận Hoà	Phường Tứ Hạ	
8	Phường Thuận Thành	Phường Hương Vân	
9	Phường Phú Hoà	Phường Hương Vãn	
10	Phường Phú Cát	Phường Hương Hồ	
11	Phường Kim Long	Phường Hương Xuân	
12	Phường Vĩ Dạ	Phường Hương Chũ	
13	Phường Phường Đúc	Phường Hương An	
14	Phường Vĩnh Ninh		
15	Phường Phú Hội		
16	Phường Phú Nhuận		
17	Phường Xuân Phú		
18	phường Trường An		
19	Phường Phước Vĩnh		
20	Phường An Cựu		
21	Phường An Hoà		
22	Phường Hương Sơ		
23	Phường An Đông		
24	Phường An Tây		
II	05 phường thuộc TX Hương Thủy và 3 phường TP Huế	33 xã	11 xã
1	Phường Thủy Biều	Huyện Phong Điền Xã Phong Hoà	Huyện Nam Đông Xã Hương Phú
2	Phường Hương Long	Xã Phong Thu	Xã Hương Sơn
3	Phường Thủy Xuân	Xã Phong Hiền	Xã Hương Lộc
4	Phường Phú Bài	Xã Phong Mỹ	Xã Thượng Quảng
5	Phường Thủy Dương	Xã Phong An	Xã Hương Hoà
6	Phường Thủy Phương	Xã Phong Xuân	Xã Hương Giàng
7	Phường Thủy Châu	Xã Phong Sơn	Xã Thượng Lộ
8	Phường Thủy Lương	Huyện Quảng Điền Xã Quảng Vinh	Xã Thượng Nhật
9		Xã Quảng Thành	Xã Hương Hữu
10		Xã Quảng Thọ	Thị xã Hương Thủy
11		Xã Quảng Phú	Xã Phú Sơn
12			Xã Dương Hoà

STT	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn	Khu vực miền núi
13		Thị Xã Hương Trà	
14		Xã Hương Bình	
15		Xã Hương Toàn	
16		Xã Hương Vinh	
17		Xã Hương Thọ	
18		Xã Bình Điền	
19		Xã Bình Thành	
20		Thị xã Hương Thủy	
21		Xã Thủy Vân	
22		Xã Thủy Thanh	
23		Xã Thủy Bằng	
24		Xã Thủy Tân	
25		Xã Thủy Phù	
26		Huyện Phú Vang	
27		Xã Phú Dương	
28		Xã Phú Mậu	
29		Xã Phú Thợng	
30		Xã Phú Hồ	
31		Xã Phú Lương	
32		Huyện Phú Lộc	
33		Xã Lộc Bồn	
34		Xã Lộc Sơn	
35		Xã Lộc Thủy	
36		Xã Lộc Tiến	
37		Xã Lộc Hoà	
38		Xã Xuân Lộc	